

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2021/HS-PT

Ngày: 22/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 589/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn N, S ngày 25/5/1986 tại huyện Đ, tỉnh Đ; nơi cư trú: Thôn 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Lò Thị Minh H và 01 con S năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn S, S ngày 20/6/1988 tại huyện Đ, tỉnh Đ; nơi cư trú: Thôn 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hà P và 01 con S năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xử phạt 32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”;

- Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2021 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Ông Bùi Đình M - Luật sư Văn phòng luật sư PR Việt H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Văn N có quen biết với Vũ Văn H làm thợ sửa xe máy tại bản X, huyện M, tỉnh P, Lào. Vào các ngày 28, 29 tháng 3 năm 2021, H và một người bạn của H có gọi qua tài khoản Facebook cho Nguyễn Văn N thỏa thuận thuê N đưa 09 người quốc tịch Trung Quốc từ Hà Nội lên Đ xuất cảnh trái phép sang bản X, huyện M, tỉnh P, Lào; nếu trót lọt N sẽ được trả công 15.000.000 đồng tiền Việt Nam/01 người và cung cấp số điện thoại của người quốc tịch Trung Quốc cần xuất cảnh trái phép sang Lào cho N. N gọi điện thoại thỏa thuận với Nguyễn Văn T, để T liên hệ với người quốc tịch Trung Quốc cần xuất cảnh trái phép sang Lào, đặt vé xe khách đón, lo chỗ ăn, nghỉ cho 09 người quốc tịch Trung Quốc với chi phí 7.000.000 đồng/01 người, khi đưa đón trót lọt, trừ chi phí xe khách, ăn, nghỉ đi lại còn lại bao nhiêu N và T chia nhau và cung cấp số điện thoại của người quốc tịch Trung Quốc cần xuất cảnh trái phép sang Lào cho T. Ngày 29/3/2021, N thỏa thuận với em trai là Nguyễn Văn S thuê S tìm người đưa 09 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Đ sang bản X, huyện M, tỉnh P, Lào; nếu trót lọt S sẽ được trả công số tiền 8.000.000 đồng/01 người. Ngày 30/3/2021, Nguyễn Văn S thỏa thuận thuê Vũ A V đưa 05 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ bản Ca H, xã Na U, huyện Đ, tỉnh Đ sang bản X, huyện M, tỉnh P, Lào; trót lọt S sẽ trả công cho V số tiền 3.000.000 đồng/01 người, đồng thời S liên hệ với một người đàn ông tên là E nhà ở khu vực xã Na U thuê E đưa 04 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ khu vực bản Con C, xã Na U, huyện Đ sang bản X, huyện M, tỉnh P, Lào; trót lọt S sẽ trả công cho E số tiền 3.000.000 đồng/01 người.

Ngày 30/3/2021, T gọi điện thoại cho R là lái xe khách của nhà xe Bảo C đặt vé xe cho 04 người quốc tịch Trung Quốc từ bến xe Yên Nghĩa, Hà Nội lên Đ và cho số điện thoại để R liên lạc đón. Sáng ngày 31/3/2021, T liên hệ với mẹ nuôi là Lê Thị G chủ nhà nghỉ Y nói có 04 người bạn của T đến nghỉ trọ để đưa 04 người quốc tịch Trung Quốc vào nghỉ trọ nhưng do dịch Covid-19 nhà nghỉ Y đã tạm dừng kinh doanh 03 tháng, T đặt vấn đề đưa 04 người trên vào nghỉ ở nhà mới xây của bà Y tại số nhà 23, tổ 11, phường Mường T, thành phố Đ. Được bà Y đồng ý, T nhờ R gọi taxi đưa 04 người gồm Từ Văn K, Tư Trác S, Phạm Văn V, Vương Avề số nhà 23, tổ 11, phường Mường T, thành phố Đ nghỉ. Đến chiều ngày 31/3/2021, T tiếp tục gọi cho R đặt vé xe cho 05 người quốc tịch Trung Quốc từ Hà Nội lên Đ và cho số điện thoại để R liên lạc đón, nhưng do R đang ở Đ, nên R đã gọi điện thoại cho Nguyễn Khắc J là lái xe khách đón 05 người khách của T.

Sáng ngày 01/4/2021, R thông báo 05 người khách của T đã đến Đ, T gọi điện thoại thuê Văn Thành D lái xe taxi đưa 05 người quốc tịch Trung Quốc đến

nhà nghỉ Y nhưng bà Y không đồng ý; T gọi điện thoại thuê D nhưng do bận, D đã gọi điện thoại cho Trương Tiến L chở 05 người gồm: Quách Nhuận Q, Trịnh C, Trần Hải L, Quách Cẩm T, Trương B về số nhà 23, tổ 11, phường Mường T, thành phố Đ. T gọi điện thông báo cho N biết đã đón được 09 người quốc tịch Trung Quốc lên Đ, N bảo T liên hệ với Nguyễn Văn S, T và S thống nhất khoảng 14 giờ ngày 01/4/2021, T sẽ giao 09 người quốc tịch Trung Quốc cho S đưa xuất cảnh trái phép sang Lào tại ngã ba xã P, huyện Đ, tỉnh Đ. T thuê một xe taxi của Văn Thành D giá 400.000 đồng chở 04 người gồm: Từ Văn K, Tư Trác S, Phạm Văn V, Vương A và một xe ô tô của Hoàng Công H giá 500.000 đồng chở 04 người gồm: Quách Nhuận Q, Trịnh C, Trần Hải L, Quách Cẩm T, còn T điều khiển xe máy chở Trương B cùng đi từ ngã ba Bệnh viện y học cổ truyền thuộc tổ 11, phường Mường T, thành phố Đ đến khu vực xã Na U, huyện Đ. S thông báo cho V đến bản Ca H, xã Na U, huyện Đ để đưa 05 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào. Sáng ngày 01/4/2021, V rủ V và A P cùng đi đưa 05 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào trót lọt sẽ được trả công số tiền 3.000.000 đồng tiền Việt Nam/01 người, V và P sẽ chia đôi, khoảng 14 giờ chiều cùng ngày P điều khiển xe máy chở V đi đến bản Ca Hâu, xã Na U, huyện Đ để nhận người. S mượn xe máy của Ngô Đình Lượng đến ngã ba xã P, huyện Đ gặp T nhận 09 người quốc tịch Trung Quốc, giao người cho S xong T quay về Đ. S nhận người từ T tiếp tục chở Trương B phía sau xe máy và đi trước dẫn đường 02 xe ô tô chở 08 người quốc tịch Trung Quốc đi đến ngã ba đường rẽ vào bản Ca Hâu, xã Na U, huyện Đ; S bảo xe ô tô của Văn Thành D đứng chờ còn S chở Trương B và dẫn xe ô tô của Hoàng Công H đến bản Ca Hâu, xã Na U, huyện Đ giao cho V và P 05 người gồm: Quách Nhuận Q, Trịnh C, Trần Hải L, Quách Cẩm T, Trương B để P và V đưa đi theo đường rừng xuất cảnh trái phép sang Lào. S quay lại tiếp tục dẫn đường xe ô tô của Văn Thành D chở 04 người quốc tịch Trung Quốc gồm: Từ Văn K, Tư Trác S, Phạm Văn V, Vương A đến bản Ca Hâu, xã Na U, huyện Đ giao cho người đàn ông tên là E để đưa đi xuất cảnh trái phép sang Lào, thì gặp cán bộ Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Tây Trang đưa về Đoàn Biên phòng làm việc. Còn V và P đưa 05 người quốc tịch Trung Quốc sang đến bản Bang Hóc, huyện M, tỉnh P, Lào thì bị lực lượng Công an Lào bắt và trao trả cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu quốc tế Tây Trang. Ngày 05/4/2021, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, V và A P bị Cơ quan An ninh điều tra khởi tố, bắt tạm giam.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ đã truy tố để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S đều phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/5/2021, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn N cung cấp tài liệu thể hiện ông nội của bị cáo và ông ngoại của bị cáo được tặng huy chương kháng chiến và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn S cung cấp tài liệu thể hiện ông nội của bị cáo được tặng huy chương kháng chiến và đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, bác kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn S; giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Bị cáo N phạm tội đồng phạm giản đơn nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, sửa quyết định của bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo mức án đầu khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Văn N có quen biết với đối tượng tên Vũ Văn H hiện đang S sống tại khu vực bản X, huyện M, tỉnh Phong- Sa-Lỳ, nước Lào. Ngày 28/3/2021, qua trao đổi thỏa thuận H và bạn của H đang ở bên Lào thuê N tổ chức đưa 09 người Trung Quốc hiện đang ở Hà Nội, từ Hà Nội lên Đ sau đó xuất cảnh sang bản X, huyện M, tỉnh P, Lào, nếu trót lọt N sẽ được trả tiền công là 15 triệu đồng/01 người, N đồng ý. Sau đó N trao đổi với Nguyễn Văn T để T

liên lạc với người Trung Quốc và thỏa thuận việc chi phí ăn nghỉ, vé xe từ Hà Nội lên Đ cho 09 người là 7 triệu đồng/01 người, số còn lại sẽ chia nhau.

Ngày 29/3/2021, N thỏa thuận với Nguyễn Văn S thuê S tìm người đưa 09 người Trung Quốc xuất cảnh từ Đ sang Lào, S sẽ được trả tiền công 8 triệu đồng/01 người. Ngày 30/3/2021, S thỏa thuận thuê Vừ A V đưa 05 người Trung Quốc sang Lào tiền công là 3 triệu đồng/01 người, Vừ A V rủ V và A P cùng tham gia đưa 05 người xuất cảnh sang Lào và thỏa thuận tiền công cho P là 1.500.000 đồng/01 người. Sau khi trao đổi thỏa thuận và liên lạc xong, Nguyễn Văn T đã liên lạc và đặt vé xe khách cho 09 người Trung Quốc gồm: Từ Văn K, Từ Trác S, Phạm Văn V, Vương Vĩ, Quách Nhuận Q, Trịnh C, Trần Hải L, Quách Cẩm T và Trương B từ Hà Nội lên Đ sau đó vào nghỉ tại nhà của bà Trần Thị Hà tại nhà số 23, tổ 11, phường Mường T, thành phố Đ, tỉnh Đ. Sau đó Nguyễn Văn T thuê xe ô tô taxi để đưa 9 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào đến giao cho Nguyễn Văn S. Ngày 01/4/2021, Nguyễn Văn S giao 05 người Trung Quốc gồm: Quách Nhuận T, Trịnh C, Trần Hải L, Quách Cẩm T và Trương B cho Vừ A V và V và A P đưa sang Lào trái phép bằng đường bộ nhưng bị Công an Lào bắt giữ cả 07 người trao trả về Việt Nam, còn 04 người Trung Quốc bao gồm: Từ Văn K, Từ Trác Sa, Phạm Văn V và Vương Acùng với Văn Thành D (lái xe taxi) đang ở khu vực bản Ca H, xã Na U, huyện Đ, tỉnh Đ; Nguyễn Văn S chuẩn bị giao cho người đàn ông tên E để đưa đi xuất cảnh trái phép sang Lào thì bị Đồn Biên phòng Cửa khẩu Tây Trang phát hiện bắt giữ. 09 người Trung Quốc sau khi đưa đi cách ly y tế để phòng chống dịch bệnh Covid-19, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đ đã giao cho Phòng quản lý xuất nhập cảnh xử lý theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn N: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo N cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo và gia đình vợ có công với cách mạng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất nhập cảnh và cư trú của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt là trong tình hình hiện nay dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp, các cơ quan chức năng đang tăng cường các biện pháp phòng chống nhằm ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh không làm lây lan ra cộng đồng. Trong vụ án này

có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ về vai trò của các bị cáo trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn N đóng vai trò chính, vừa là người khởi xướng và vừa là người thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo S có nhân thân xấu; bị cáo đã có thời gian chấp hành án tại trại giam nhưng vẫn không tu tâm mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 08 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo S cung cấp tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất nhập cảnh và cư trú của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, xâm phạm trật tự an toàn xã hội và đặc biệt trong giai đoạn chống dịch bệnh hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn S; giữ nguyên quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn S của Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2021.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- CQĐTCA tỉnh Đ;
- TTGCA tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình